

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

Số: 49/2020/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thạch Thành, ngày 12 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 53/2020//TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Bùi Văn Ng, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Bùi Thị N, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn Ng và chị Bùi Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 02/10/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn hai bên chưa tìm hiểu kỹ về nhau nên trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai đều cảm thấy mệt mỏi, chán nản, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Nay anh Ng và chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết cho hai bên được ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Thị Bảo Ng, sinh ngày 07/02/2018. Sau khi ly hôn, chị N và anh Ng thỏa thuận chị N sẽ trực tiếp nuôi con, anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

[3]. Về tài sản và nợ chung: Anh Bùi Văn Ng và chị Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh Bùi Văn Ng và chị Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Văn Ng và chị Bùi Thị N thỏa thuận, chị N là người chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn Ng và chị Bùi Thị N thuận tình ly hôn.
- Về con cái: Vợ chồng thống nhất giao con chung là cháu Bùi Thị Bảo Ng, sinh ngày 07/02/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Anh Ng có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị N chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí DSST về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST chị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số: AA/2018/0002702 ngày 20/4/2020. Chị Bùi Thị N đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Cúc